

Bản án số: 68/2017/HSST.

Ngày: 17/8/2017.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ, TP ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tô Thị Thy Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Lệ Thủy

Ông Hà Đồng Tịnh

*Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trương Thị Hồng Hằng -
Cán bộ Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.*

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng tham gia
phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Thông - Kiểm sát viên.*

Trong ngày 17/8/2017, tại Trụ sở Ủy ban nhân dân phường Phước Mỹ, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai lưu động vụ án hình sự thụ lý số 63/2017/TLST-HS ngày 13/7/2017 đối với các bị cáo:

1. VŨ ĐÌNH L, sinh ngày 20/8/1980, tại Thái Nguyên; nơi đăng ký HKTT: xã Y, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; chỗ ở hiện nay: Thuê trọ tại P201 Khách sạn Vân Chung, số 38 H, phường P, quận S, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: Thợ cơ khí; trình độ học vấn: 09/12; con ông Vũ Đình H và bà Phạm Thị M; chưa có vợ, con; gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất.

Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Tại bản án phúc thẩm số 270/2011/HSPT ngày 10/5/2011 bị TAND thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 05 năm tù về tội “Sản xuất trái phép chất ma túy”. Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 25/01/2014.

Bị cáo bị bắt phạm tội quả tang ngày 19/01/2017 có mặt tại phiên tòa.

2. PHẠM THUY VÂN D, sinh ngày 21/10/1983, tại Lâm Đồng; nơi đăng ký HKTT: Thôn A, xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; chỗ ở hiện nay: Thuê trọ tại P201 Khách sạn Vân Chung, số 38 H, phường P, quận S, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: Lao động phổ thông; trình độ học vấn: 12/12; con ông Phạm Kim T và bà Nguyễn Thị L; chưa có chồng, con; gia đình có 03 chị em, bị cáo là con thứ nhất.

Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Tại bản án sơ thẩm số 37/2005/HSST ngày 24/02/2005 bị TAND thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 02/5/2005.

Bị cáo bị bắt phạm tội quả tang ngày 19/01/2017 có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Phạm Thụy Vân D: ông Trần Cảnh An, luật sư văn phòng luật sư Trần Cảnh An thuộc Đoàn luật sư thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Ông **Đàm Văn V**, sinh năm 1968, trú tại: Số 38 đường H, quận S, thành phố Đà Nẵng. Có đơn xét xử vắng mặt.

NHẬN THẤY:

Các bị cáo Vũ Đình L và Phạm Thụy Vân D bị Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Vào khoảng 20 giờ 30 phút ngày 19 tháng 01 năm 2017, Phòng CSĐTTP về ma túy Công an thành phố Đà Nẵng bắt quả tang đối với Vũ Đình L và Phạm Thụy Vân D đang tàng trữ trái phép chất ma túy tại phòng 201 Khách sạn Vân Chung số 38 đường H, quận S, thành phố Đà Nẵng để bán lại cho các đối tượng khác.

Tang vật thu giữ:

Trong túi da màu nâu (của D) để trên giường trong phòng 201:

- 01 CMND cấp cho Vũ Đình L;
- 01 hộp giấy màu trắng có dòng chữ oddo kích thước (5x18x10cm), một bên thành hộp có dòng chữ “Vũ Đình L” ĐC: 17 Phạm Phú Thứ, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng; ĐT 0966 395 677, bên trong hộp có 11 gói nylon diện (5x8)cm; bên trong mỗi gói có chứa chất bột màu vàng nhạt (ký hiệu A1);
- 22 viên nén màu sẫm được bỏ vào trong một gói nylon màu trắng diện (6x15)cm (ký hiệu A2);
- 01 hộp gỗ màu trắng có kích thước khoảng (10x10x03)cm, bên trong có: 02 khối sắt hình trụ tròn có đường kính khoảng 02cm cao 03cm giữa có lõi sắt;
- 01 túi nylon không rõ hình dạng, bên trong có chứa 03 viên nén màu vàng (ký hiệu A3b);
- 01 gói nylon màu trắng diện (4x8)cm bên trong có chứa 12 viên nén màu trắng đục (ký hiệu A3a);
- 01 gói nylon màu trắng diện (5x5)cm bên trong có chứa bột màu vàng đậm (ký hiệu A3c);
- 01 gói nylon màu trắng diện (4x8)cm bên trong có chứa 01 viên nén và các mảnh vỡ màu sẫm (ký hiệu A3d);

- 01 gói nylon màu trắng diện (4x6)cm bên trong có chứa tinh thể rắn màu trắng, Nô gửi kèm ở bưu phẩm thứ 2 (ký hiệu A4);

* Thu dưới gầm giường phòng 201 của khách sạn có: 01 cái búa cầm tay;

* Thu trong nhà vệ sinh phòng 201 của khách sạn có : 01 thùng giấy có kích thước khoảng (37x20x23) cm, một bên có dòng chữ: “ người nhận”: Vũ Đình L số 38 H, phường P, quận S (ĐT: 0966.305.677), bên trong thùng giấy có: 01 đế của một máy xay sinh tố màu trắng dùng để cất giấu 02 khối kim loại (dụng cụ dập ra viên nén);

* Thu bên trong túi quần của Vũ Đình L: 01 điện thoại di động màu trắng và màu vàng có dòng chữ Iphone, có Imel:358808059925051, lắp sim số 0966305677;

* Thu của Phạm Thụy Vân D;

- 01 máy tính bảng màu trắng, đen có dòng chữ ASUS;

- 01 DTDĐ màu đen có dòng chữ Nokia;

- 01 cân điện tử (Nguyên đưa cho D và L để cân ma túy);

*** Căn cứ Kết luận giám định số: 111/GĐ-MT ngày 24 tháng 01 năm 2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Đà Nẵng kết luận như sau:**

- Mẫu A1,A2,A3a, A3c đề nghị chuyển Viện KHHS giám định lại:

- Các viên nén trong mẫu ký hiệu A3b gửi giám định đều có chất ma túy, loại MDMA. MDMA là chất ma túy nằm trong danh mục I, số thứ tự 22, Nghị định 82/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ.

- Mẫu ký hiệu A3d, A4 gửi giám định có chất ma túy, loại Methamphetamine. Methamphetamine là chất ma túy nằm trong danh mục II, số thứ tự 67, Nghị định 82/2013/NĐ-CP Ngày 19/7/2013 của Chính phủ.

- Trọng lượng mẫu (TL), tính bằng gam:

Mẫu	A1	A2	A3a	A3b	A3c	A3d	A4
TL	314,784	6,346	3,774	0,722	1,555	0,495	0,726

* Căn cứ kết luận giám định số: 76/ C54C(Đ4) Ngày 15 tháng 3 năm 2017 của phân viện Khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng kết luận như sau:

- Các viên nén màu nâu sẫm ký hiệu A2 và 07 viên nén hình tròn, màu trắng đục ký hiệu A3a gửi giám định đều có tìm thấy Ephedrine;

- Chất rắn màu vàng nhạt (dạng bột) ký hiệu A1 và chất rắn màu vàng đậm (dạng bột) A3c gửi giám định đều không tìm thấy các chất ma túy thường gặp.

Ephedrine là tiền chất ma túy nằm trong danh mục IV, STT: 33, ban hành kèm theo Nghị định 82/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ.

Qua điều xác định:

Nguồn gốc số ma túy bị Công an thu giữ là do ngày 13/01/2017, L cùng Nô (chưa xác định nhân thân, lai lịch) từ thành phố Hồ Chí Minh ra thành phố Đà Nẵng chơi, đến ngày 15/01/2017 L và Nô đến phòng 402 khách sạn Minh Anh- số 17 đường Phạm Phú Thứ, Đà Nẵng thuê trọ. Tại đây, Nô giới thiệu cho L một thanh niên tên Bé (không rõ nhân thân, lai lịch) thường mua bán trái phép chất ma túy với Nô. Tối ngày 15/01/2017, Nô và L trao đổi, bàn bạc, lên kế hoạch thống nhất với nhau: L sẽ ở lại Đà Nẵng chờ, còn Nô ra Hà Nội rồi gửi ma túy vào cho L để bán lại cho Bé cũng như các đối tượng có nhu cầu. Cụ thể:

- Vào ngày 17/01/2017, Nô gửi cho L 135 viên ma túy thuốc lắc dạng viên bằng đường bưu điện để L giao lại cho Bé với số tiền 30.000.000đ.

Khoảng 05 giờ ngày 17/01/2017, Phạm Thụy Vân D (là vợ của L) từ Lâm Đồng đến Đà Nẵng gặp L tại khách sạn Minh Anh, thành phố Đà Nẵng. Đến trưa cùng ngày, L nhờ D xuống trước cổng khách sạn Minh Anh, nhận gói bưu phẩm mà Nô chuyển cho L để đem lên phòng cho L. Tại đây, L mở ra thì thấy bên trong có một hộp thuốc trên nắp có ghi “135V”, mở ra bên trong có nhiều viên ma túy màu đỏ sẫm. Khoảng 20 phút sau, Bé đi cùng Nguyễn (hiện chưa xác định nhân thân, lai lịch) lên phòng 402 khách sạn Minh Anh gặp L và D. Tại đây, thực hiện theo yêu cầu của Nô, L giao tất cả số ma túy này cho Bé để lấy 30.000.000đ nhưng Bé không nhận, nói L giữ lại số ma túy thuốc lắc dạng viên này, khi nào có người mua thì Bé sẽ đến lấy để bán và giao tiền cho L.

Đến khoảng 12 giờ ngày 17/01/2017, tại khách sạn Minh Anh, thành phố Đà Nẵng, sau khi được thống nhất của Nô, L đã nhờ D giao cho Bé 38 viên ma túy màu đỏ (lấy từ 135 viên ma túy Nô vừa gửi ra) và Bé giao lại cho D 25 viên ma túy màu trắng (đây là số ma túy sử dụng không đạt chất lượng mà Nô đã bán cho Bé trước đó, bây giờ Bé muốn nhờ L đổi lại số ma túy mới đạt chất lượng hơn).

Vào buổi trưa cùng ngày 17/01/2017, trong lúc L và D đi uống cà phê ở khu vực cầu Rồng- Đà Nẵng, Nguyễn có gọi điện cho D hỏi mua 50 viên thuốc lắc, D hỏi L giá bán mỗi viên là bao nhiêu, L nói giá 130.000đ/1 viên. Sau khi về lại khách sạn, D trực tiếp bán cho Nguyễn 50 viên thuốc lắc và cho thêm Nguyễn 10 viên thuốc lắc nữa (số ma túy thuốc lắc này D cũng lấy từ 135 viên thuốc lắc Nô gửi), Nguyễn trả cho D 5.500.000đ. Đồng thời, D cho thêm Nguyễn 01 đến 02 viên ma túy trong số 25 viên ma túy thuốc mà Bé đã đổi cho L lúc trước. không lấy tiền.

- Do nhu cầu muốn có ma túy loại tốt để sử dụng và làm mẫu nên D và L có hỏi Nguyễn đổi một số ma túy, Nguyễn đồng ý. Vào khoảng 09 giờ ngày

19/01/2017, tại khách sạn Vân Chung, thành phố Đà Nẵng (L và D chuyển đến khách sạn Vân Chung vào tối ngày 17/01/2017), Nguyên đã giao cho D 10 viên ma túy màu vàng nhạt và D đã đổi lại Nguyên 10 viên ma túy màu đỏ sẫm và 10 viên ma túy màu trắng.

Sau khi nhận 10 viên ma túy màu vàng nhạt từ Nguyên, D mang lên phòng 201 khách sạn Vân Chung gặp L, lúc này L vừa nhận được gói bưu phẩm thứ hai của Nô gửi cho L, trong đó có 01 gói ma túy đá trọng lượng 0,726 gam (để cho L sử dụng) và 11 gói nylong chứa chất bột màu vàng trọng lượng 314,784 gam cùng một bộ khuôn bằng sắt mà Nô gửi cho L số bột này và dụng cụ đập ra viên nén để bán lại cho Bé với giá 50.000.000đ, nhưng do lúc đó D có mâu thuẫn với Bé nên L và D không bán cho Bé như Nô trao đổi ban đầu mà đã liên hệ với Nguyên để tìm cách bán tất cả cho Nguyên lấy tiền giống như kế hoạch mà Nô và L đã bàn bạc trao đổi thống nhất từ trước. Sau khi trao đổi với Nguyên, thì Nguyên đồng ý mua tất cả số bột cùng dụng cụ trên với điều kiện hàng phải đạt chuẩn chất lượng như 10 viên màu vàng nhạt Nguyên giao cho D lúc sáng. Sau đó L cùng D lấy 07 viên ma túy màu vàng nhạt trong số 10 viên ma túy màu vàng nhạt đã trao đổi với Nguyên, rồi tán nhuyễn thành bột để kiểm tra mùi của các viên ma túy này, sau khi kiểm tra thấy có mùi xá xị, L cùng D đón taxi đi chợ Hàn mua 01 bình tinh dầu xá xị và một cái búa cầm tay rồi về lại khách sạn Vân Chung. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, Nguyên lên phòng để xem cách đập ra ma túy dạng viên nén và lấy mẫu đi sử dụng thử, D lấy tinh dầu xá xị rắc lên một gói ma túy thuốc lắc dạng bột rồi trộn đều. Sau đó, L lấy số bột đã trộn đó bỏ vào khuôn đúc và đập ra 03 viên ma túy thuốc lắc cho Nguyên thấy, rồi giao 03 viên này cho Nguyên để Nguyên kiểm tra chất lượng có đạt yêu cầu hay không. Nếu đạt yêu cầu thì L và D sẽ bán cho Nguyên số bột tương ứng với 600 viên ma túy thuốc lắc và giao bộ khuôn đúc cùng chiếc búa cho Nguyên với giá một viên là 110.000đồng, tương đương khoảng 60.000.000đồng.

Tuy nhiên, các bên chưa kịp giao dịch mua bán thì L và D đã bị bắt giữ cùng toàn bộ tang vật nêu trên.

Với nội dung trên tại bản cáo trạng số 54/CT-VKS ngày 12/7/2017 của VKS nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng truy tố bị cáo Vũ Đình L về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo điểm a, b khoản 2 Điều 194 BLHS và truy tố bị cáo Phạm Thụy Vân D về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo điểm b khoản 2 Điều 194 BLHS.

Qua xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa:

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố nhà nước tại phiên tòa phát biểu quan điểm rút một phần Quyết định truy tố đối với bị cáo L về tình tiết phạm tội có tổ chức và căn cứ vào tính chất, hành vi thực hiện tội phạm, nhân thân,

tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ áp dụng đối với bị cáo, đề nghị HĐXX tuyên bố các bị cáo Vũ Đình L, Phạm Thụy Vân D phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 5 Điều 194; điểm o, p khoản 1 Điều 46 của BLHS, xử phạt Vũ Đình L từ 10 năm đến 11 năm tù. Phạt tiền bị cáo L từ 5.000.000đồng đến 10.000.000đồng.

Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 5 Điều 194; điểm o, p khoản 1 Điều 46 của BLHS, xử phạt Phạm Thụy Vân D từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù. Phạt tiền bị cáo D từ 5.000.000đồng đến 10.000.000 đồng.

- Về xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 41 của Bộ luật hình sự, Điều 76 Bộ luật Tố tụng Hình sự tuyên:

- Tịch thu tiêu hủy với 01 phong bì niêm phong hoàn trả sau khi giám định số: 111/GĐ- MT ngày 24/01/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Đà Nẵng, 01 phong bì niêm phong hoàn trả sau khi giám định số 76/C54C(Đ4) ngày 15/3/2017 của Phân viện KHHS tại thành phố Đà Nẵng, 01 hộp giấy màu trắng có dòng chữ oddo kích thước (5x18x10cm), 01 hộp gỗ màu trắng kích thước khoảng (10x10x03)cm, 01 khối sắt hình trụ tròn có đường kính khoảng 02cm, cao khoảng 03cm giữa có lõi sắt, 01 túi ny lông không rõ hình dạng, 01 búa cầm tay, 01 thùng giấy có kích thước khoảng (37x20x23)cm, 01 đế máy xay sinh tố màu trắng, 01 cân tiểu ly điện tử.

- Tịch thu sung công quỹ nhà nước:

+ 01 điện thoại di động màu trắng và màu vàng hiệu Iphone, có số Imel:358808059925051, lắp sim số 0966305677 của Vũ Đình L.

+ 01 điện thoại di động màu đen có dòng chữ Nokia của Phạm Thụy Vân D.

- Tuyên trả cho bị cáo Phạm Thụy Vân D 01 máy tính bảng màu trắng có dòng chữ ASUS nhưng tiếp tục quy trừ để đảm bảo thi hành án, trả 01 giấy chứng minh nhân dân cho Vũ Đình L.

(Toàn bộ số vật chứng này hiện nay do Chi cục Thi hành án quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng đang tạm giữ theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 14/7/2017).

Tại phiên tòa hôm nay vị luật sư bào chữa cho bị cáo Phạm Thụy Vân D thống nhất với bản cáo trạng của VKSND quận Sơn Trà, Tp Đà Nẵng truy tố bị cáo D về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Tuy nhiên, Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà áp dụng tình tiết phạm tội nhiều lần theo điểm b khoản 2 Điều 194 là không đúng vì ở đây bị cáo D chỉ phạm tội bán một lần trái phép chất ma túy cùng với bị cáo L và có hai lần trao đổi ma túy với Nguyễn và Bé nên hành vi phạm tội của bị cáo D chỉ ở khoản 1 Điều 194 của BLHS. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo D thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo tự thú lần phạm tội trước đó, mẹ của bị cáo đã có công lao đóng góp đối với sự nghiệp giáo dục nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo

điểm o, p khoản 1, 2 Điều 46 của BLHS đối với bị cáo D. Tôi thấy rằng mức hình phạt mà Kiểm sát viên đề nghị đối với bị cáo D là quá nặng nên đề nghị HĐXX chuyển khung hình phạt từ khoản 2 xuống khoản 1 Điều 194 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo D là phù hợp.

Bị cáo Vũ Đình L thừa nhận hành vi phạm tội của mình là “Mua bán trái phép chất ma túy”, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận Sơn Trà khởi tố, Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà truy tố, Tòa án nhân dân quận Sơn Trà xét xử bị cáo về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 Điều 194 BLHS là đúng tội, đúng pháp luật. Bị cáo thực sự ăn năn, hối cải và hứa sẽ không bao giờ tái phạm nữa, mong HĐXX xem xét khoan hồng, giảm nhẹ hình phạt.

Bị cáo Phạm Thụy Vân D thừa nhận hành vi phạm tội của mình là “Mua bán trái phép chất ma túy”, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận Sơn Trà khởi tố, Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà truy tố, Tòa án nhân dân quận Sơn Trà xét xử bị cáo về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” là đúng. Tuy nhiên bị cáo chỉ thực hiện một lần bán trái phép chất ma túy với Nguyên, ngoài ra bị cáo có hai lần trao đổi ma túy với Bé và Nguyên. Bị cáo thực sự ăn năn, hối cải và hứa sẽ không bao giờ tái phạm nữa, mong HĐXX xem xét khoan hồng, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, các bị cáo, người bào chữa.

XÉT THẤY:

Quá trình điều tra cũng như tranh tụng tại phiên tòa, các bị cáo Vũ Đình L, Phạm Thụy Vân D đã khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang do Công an thành phố Đà Nẵng lập lúc 20 giờ 50 phút ngày 19/01/2017 cùng các chứng cứ, tài liệu điều tra thu thập có tại hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có cơ sở để xác định: Ngày 15/01/2017, tại Khách sạn Minh Anh số 17 đường Phạm Phú Thứ, quận Hải Châu, Tp Đà Nẵng, L cùng Nô (chưa xác định nhân thân, lai lịch) thống nhất về việc L sẽ ở lại Đà Nẵng, còn Nô đi Hà Nội sẽ gửi ma túy bằng đường bưu phẩm để L bán lại cho Bé lấy tiền. Ngày 17/01/2017, sau khi nhận được 135 viên ma túy do Nô chuyển đến để L giao cho đối tượng tên Bé (không xác định nhân thân, lai lịch) lấy số tiền 30.000.000đồng nhưng do Bé không chịu lấy hết toàn bộ số ma túy trên nên cùng ngày 17/01/2017, bị cáo L và D đã bán cho đối tượng tên Nguyên (chưa xác định nhân thân, lai lịch) 60 viên ma túy với số tiền 5.500.000đồng và đổi cho đối tượng tên Bé 38 viên ma túy để lấy lại 25 viên ma túy thuộc lắc màu trắng đục mà trước đó Nô đã

bán cho Bé. Tiếp đến ngày 19/01/2015, tại Khách sạn Vân Chung bị cáo D và L có trao đổi với đối tượng tên Nguyên để đổi ma túy, Nguyên đã giao cho D 10 viên ma túy màu vàng nhạt và D đã đổi lại cho Nguyên 10 viên ma túy màu đỏ sẫm và 10 viên ma túy màu trắng.

Cũng trong ngày 19/01/2017, bị cáo L tiếp tục nhận của đối tượng tên Nô 01 gói bưu phẩm gồm 01 gói ma túy đá và 11 gói bột ma túy cùng với dụng cụ 02 khối kim loại để L bán số bột trên cùng dụng cụ cho Bé với số tiền 50.000.000đồng. Tuy nhiên sau khi nhận được số bột, ma túy đá và hai khối kim loại nêu trên, bị cáo L và D đã không bán cho Bé như Nô dặn mà L và D đã thỏa thuận với nhau và liên lạc với Nguyên nhằm bán hết toàn bộ số bột, số ma túy Nô cho L để sử dụng cùng với số ma túy Bé trao đổi với L để lấy tiền về quê. Sau khi trao đổi Nguyên đồng ý mua, bị cáo L và D lấy 7 viên ma túy màu vàng nhạt trong số 10 viên ma túy trao đổi với Nguyên nghiền ra thành bột ngửi thấy mùi xá xị nên L và D đã đi sang chợ Hàn mua một lọ có hương xá xị và một chiếc búa về cùng Nguyên trộn lẫn với một số bột màu vàng và cho vào khuôn Nô gửi, dùng búa đập ra thành 03 viên để đưa cho Nguyên đi kiểm tra chất lượng, nếu đạt chất lượng Nguyên sẽ lấy toàn bộ số bột, dụng cụ và số ma túy D và L đang cất giấu tương ứng với 600 viên ma túy thuốc lắc với giá một viên là 110.000đồng, nhưng các bên chưa kịp thực hiện hành vi mua bán thì bị cáo D và L bị bắt giữ cùng tang vật. Thu giữ tổng số ma túy của các bị cáo nhằm mục đích bán trái phép chất ma túy là 1,221 gam Methamphetamine, 0,722 gam MDMA, 10,120 gam tiền chất ma túy Ephedrine.

Hành vi trên của bị cáo Vũ Đình L, Phạm Thụy Vân D đã đủ yếu tố cấu thành tội “ Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 Điều 194 của Bộ luật hình sự như cáo trạng số 54/CT-VKS ngày 12/7/2017 của Viện Kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà, Tp. Đà Nẵng đã truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

Xét tính chất vụ án và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy: các bị cáo là những thanh niên khỏe mạnh, có đầy đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của mình nhưng không lo làm ăn lương thiện mà lại thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy để thu lợi bất chính và thỏa mãn nhu cầu nghiện của bản thân. Các bị cáo nhận thức được tác hại nghiêm trọng của ma túy đối với bản thân và cộng đồng, nhận thức được tình hình tệ nạn xã hội do ma túy gây ra nhưng các bị cáo vẫn cố tình thực hiện việc mua bán trái phép chất ma túy. Hành vi phạm tội của các bị cáo L, D gây nguy hại rất lớn cho xã hội, thực hiện với lỗi cố ý, xâm phạm tới chính sách quản lý độc quyền của nhà nước về các chất ma túy mà hành vi phạm tội của các bị cáo còn gây ảnh hưởng đến tình hình trật tự an toàn xã hội, gây bất ổn trong nhân dân trên địa bàn Tp Đà Nẵng nói chung và địa bàn quận Sơn Trà nói riêng nên phải xử lý nghiêm khắc.

Xét vai trò, nhân thân của từng bị cáo thì thấy: Vai trò chính trong vụ án này thuộc về bị cáo Vũ Đình L, bị cáo là người trực tiếp hai lần nhận ma túy do Nô gửi bằng đường bưu phẩm để bị cáo bán cho Bé lấy tiền. Sau khi nhận ma túy từ Nô bị cáo giao cho bị cáo D bán ma túy cho Nguyễn cũng như hai lần trao đổi ma túy với Nguyễn và Bé đồng thời có hứa hẹn với Nguyễn nếu dập thuốc thành viên nén đạt chất lượng thì Nguyễn sẽ lấy toàn bộ số bột, dụng cụ và số ma túy D và L đang cất giấu tương ứng với 600 viên ma túy thuốc lắc với giá một viên là 110.000đồng, nhưng các bên chưa kịp thực hiện hành vi mua bán thì bị cáo D và L bị bắt giữ cùng tang vật. Bị cáo có nhân thân xấu: Ngày 10/5/2011, tại bản án số 270/2011/HSPT của TAND thành phố Hồ Chí Minh đã xử phạt 05 năm tù về tội “Sản xuất trái phép chất ma túy”. Do đó đối với bị cáo L cần phải lên cho một mức án thật nghiêm khắc, cách ly bị cáo L ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung. Song xét tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo tự thú lần phạm tội trước đó nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm o, p khoản 1 Điều 46 của BLHS để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo trong khi lượng hình.

Đối với bị cáo Phạm Thụy Vân D tham gia với vai trò đồng phạm giúp sức cho bị cáo L để thực hiện việc bán trái phép chất ma túy, sau khi nhận ma túy từ bị cáo Nô gửi, được sự đồng ý của bị cáo L, bị cáo đã bán trái phép chất ma túy cho Nguyễn và hai lần trao đổi trái phép chất ma túy với Bé và Nguyễn, bị cáo hưởng lợi từ bị cáo L cho sử dụng ma túy, trả tiền thuê khách sạn và chi phí ăn uống. Bị cáo có nhân thân xấu: Ngày 24/02/2005 bị TAND TP Đà Lạt tỉnh Lâm Đồng xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Do đó đối với bị cáo D cần phải lên cho một mức án thật nghiêm khắc, cách ly bị cáo D ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung. Song xét tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo tự thú lần phạm tội trước đó, mẹ của bị cáo đã có công lao đóng góp đối với sự nghiệp giáo dục nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm o, p khoản 1, 2 Điều 46 của BLHS để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo trong khi lượng hình.

Đối với đối tượng có tên Bé, Nguyễn, Nô hiện chưa xác định được nhân thân, lai lịch nên Cơ quan CSĐT Công an quận Sơn Trà tách ra tiếp tục xử lý sau là phù hợp.

Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của Vũ Đình L và Phạm Thụy Vân D, Cơ quan Công an quận Sơn Trà ra Quyết định xử phạt hành chính bằng hình thức phạt tiền là phù hợp.

Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 điện thoại di động màu trắng và màu vàng hiệu Iphone, có số Imel:358808059925051, lắp sim số 0966305677 thu giữ của Vũ Đình L, 01 điện thoại di động màu đen có dòng chữ Nokia thu của Phạm Thụy Vân D dùng để liên hệ trao đổi, mua bán ma túy cần tịch thu sung công quỹ nhà nước là phù hợp.

- Đối với 01 máy tính bảng màu trắng, đen có dòng chữ ASUS thu giữ của Phạm Thụy Vân D, 01 chứng minh nhân dân cấp cho Vũ Đình L thấy không liên quan đến vụ án nên tuyên trả lại cho các bị cáo D, L là phù hợp.

- Đối với 01 phong bì niêm phong hoàn trả sau khi giám định số: 111/GĐ- MT ngày 24/01/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Đà Nẵng, 01 phong bì niêm phong hoàn trả sau khi giám định số 76/C54C(Đ4) ngày 15/3/2017 của Phân viện KHHS tại thành phố Đà Nẵng, 01 hộp giấy màu trắng có dòng chữ oddo kích thước (5x18x10cm), 01 hộp gỗ màu trắng kích thước khoảng (10x10x03)cm, 02 khối sắt hình trụ tròn có đường kính khoảng 02cm, cao khoảng 03cm giữa có lõi sắt, 01 túi ny lông không rõ hình dạng, 01 búa cầm tay, 01 thùng giấy có kích thước khoảng (37x20x23)cm, 01 đế máy xay sinh tố màu trắng, 01 cân điện tử là vật chứng của vụ án cần tịch thu tiêu hủy là phù hợp.

Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên toà về áp dụng điều luật, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như phần xử lý vật chứng là có căn cứ nên HĐXX chấp nhận.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Phạm Thụy Vân D đề nghị HĐXX chuyển khung hình phạt từ khoản 2 Điều 194 của Bộ luật hình sự xuống khoản 1 Điều 194 của Bộ luật hình sự cho bị cáo D, HĐXX thấy không có cơ sở chấp nhận.

Án phí HSST 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) mỗi bị cáo Vũ Đình L, Phạm Thụy Vân D phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Các bị cáo Vũ Đình L, Phạm Thụy Vân D phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 194; điểm p, o khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự

Xử phạt: Vũ Đình L 10 (Mười) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt ngày 19/01/2017.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 194; điểm p, o khoản 1, 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự

Xử phạt: Phạm Thụy Vân D 07 (Bảy) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt ngày 19/01/2017.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự; Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự

- Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì niêm phong hoàn trả sau khi giám định số: 111/GĐ- MT ngày 24/01/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Đà Nẵng, 01 phong bì niêm phong hoàn trả sau khi giám định số: 76/C54C(Đ4) ngày 15/3/2017 của Phân viện KHHS tại thành phố Đà Nẵng, 01 hộp giấy màu trắng có dòng chữ oddo kích thước (5x18x10cm), 01 hộp gỗ màu trắng kích thước khoảng (10x10x03)cm, 02 khối sắt hình trụ tròn có đường kính khoảng 02cm, cao khoảng 03cm giữa có lõi sắt, 01 túi ny lông không rõ hình dạng, 01 búa cầm tay, 01 thùng giấy có kích thước khoảng (37x20x23)cm, 01 đế máy xay sinh tố màu trắng, 01 cân tiểu ly điện tử.

- Tịch thu sung công quỹ nhà nước:

+ 01 điện thoại di động màu trắng và màu vàng hiệu Iphone, có số Imel:358808059925051, lắp sim số 0966305677, đã bị vỡ màn hình của Vũ Đình L.

+ 01 điện thoại di động màu đen có dòng chữ Nokia đã bị vỡ màn hình của Phạm Thụy Vân D.

- Tuyên trả cho bị cáo Phạm Thụy Vân D 01 máy tính bảng màu trắng có dòng chữ ASUS, trả 01 giấy chứng minh nhân dân cho Vũ Đình L

Tất cả các vật chứng trên hiện Chi cục Thi hành án Dân sự quận Sơn Trà, Tp Đà Nẵng đang quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 14/7/2017.

3. Án phí HSST 200.000 đồng(Hai trăm ngàn đồng) mỗi bị cáo Vũ Đình L, Phạm Thụy Vân D phải chịu.

Báo cho những người tham gia tố tụng biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng những người vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết tại nơi thường trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKS nhân dân quận Sơn Trà -TP. Đà Nẵng;
- Công an quận Sơn Trà, TP. Đà Nẵng;
- Các bị cáo;
- Người bào chữa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

TÔ THỊ THY TUYẾT

